

ÔN TẬP VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

I – BÀI TẬP

1. Kể tên các tác phẩm văn học trung đại Việt Nam trong sách giáo khoa *Ngữ văn II Nâng cao*, tập một và xếp chúng theo trình tự thời gian năm sinh của tác giả.

2. Nội dung văn học trung đại Việt Nam trong sách giáo khoa *Ngữ văn II Nâng cao*, tập một.

3. Cho biết đặc điểm các thể loại văn học trung đại Việt Nam trong sách giáo khoa *Ngữ văn 11 Nâng cao*, tập một.

4. Thể loại trong văn học trung đại chỉ phôi người cầm bút một cách nghiêm nhặt. Hãy chứng minh điều đó qua một bài thơ luật Đường viết bằng chữ Nôm trong chương trình *Ngữ văn 11 Nâng cao*, tập một.

II – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

1. Văn học trung đại Việt Nam trong sách giáo khoa *Ngữ văn 11 Nâng cao*, tập một xếp theo trình tự thời gian năm sinh của tác giả gồm những bài sau đây : *Vào phủ chúa Trịnh*, *Chiếu cầu hiền*, *Tự tình (bài II)*, *Bài ca ngất ngưởng*, *Bài ca ngắn đi trên bãi cát*, *Chạy giặc*, *Lê ghét thương*, *Văn tế nghĩa sĩ Cân Giuộc*, *Cha tôi*, *Xin lập khoa luật*, *Câu cá mùa thu*, *Tiến sĩ giấy*, *Khóc Dương Khuê*, *Bài ca phong cảnh Hương Sơn*, *Thương vợ*, *Vịnh khoa thi Hương và Đổng Mẫu*.

2. Văn học trung đại Việt Nam trong sách *Ngữ văn 11 Nâng cao*, tập một gồm những nội dung sau :

– Phản ánh diện mạo con người Việt Nam giai đoạn thế kỉ XVIII, đặc biệt là nửa cuối thế kỉ XIX. Đó là những con người yêu nước, thương dân, có tình cảm nghĩa, thẳng thắn bộc lộ cảm xúc chân thành của mình, sống thực lòng, biết lẽ phải trái, biết thưởng thức cảnh đẹp đất nước, căm giận thế lực bạo tàn, cướp ngôi, tranh quyền, đoạt lợi,... khiến dân lâm than, đau khổ, căm thù bọn xâm lược...

– Tuy nhiên, lòng yêu nước thương dân của người Việt Nam thể hiện ở nhiều sắc độ khác nhau. Người thì đứng lên đấu tranh giải phóng dân tộc, chẳng quản hi sinh ; người thì đau lòng trước cảnh nước mất nhà tan ; người thì biết yêu lẽ phải, biết đứng lên bảo vệ công lí, phê phán những cái nhố nhăng của xã hội,... ; người lại dùng những lời điệu trấn tâm huyết nhằm canh tân đất nước hoặc tìm cách thu phục hiền tài giúp triều đại tiến bộ, hoặc xót thương khi bạn bè qua đời, thương xót người vợ lam lũ một đời vì chồng con, hoặc thẳng thắn nói lên tình cảm của mình,...

3. Sách giáo khoa *Ngữ văn 11 Nâng cao*, tập một gồm chín thể loại. Sau đây là đặc điểm của từng thể loại.

a) *Văn xuôi tự sự* : gồm *truyện truyền kì* (*Chuyện chúc phán sự đến Tân Viên* – đã học ở lớp 10) và *kí* (*Vào phủ chúa Trịnh*, *Cha tôi*).

Kí thể hiện trực tiếp *cái tôi* cá nhân người cầm bút. Kí trung đại không dùng hư cấu và chỉ viết về những việc xảy ra đối với bản thân hoặc những người liên quan trực tiếp đến mình. Trong thể kí, tính trung thực luôn được đặt lên hàng đầu.

b) *Thơ lục bát*. Do đặc điểm cấu trúc, thơ lục bát gồm hai dòng nối nhau : dòng trên 6 âm tiết gọi là câu lục, dòng dưới 8 âm tiết gọi là câu bát ; chữ thứ 6 của câu lục vần với chữ thứ 6 của câu bát và chữ thứ 8 của câu bát lại vần với chữ thứ 6 của câu lục đứng sau... và chỉ có vần bằng.

Thơ lục bát thường được dùng để sáng tác loại hình tự sự mà ta quen gọi là *truyện Nôm*. Ngoài ra, thơ lục bát cũng được dùng để diễn ca lịch sử.

c) *Thơ song thất lục bát* là một sáng tạo độc đáo của dân tộc ta. Thể thơ này có chu kỳ 4 dòng lặp lại gọi là một khổ. Mỗi khổ gồm 2 dòng 7 âm tiết (song thất) và một dòng 6, một dòng 8 âm tiết (lục bát). Dòng 7 âm tiết gieo vần trắc (chữ thứ 7 của dòng đầu là thanh trắc, hiệp vần với chữ thứ 5 hoặc 3 của dòng sau), còn dòng lục bát gieo vần bằng. Do vậy, thơ song thất lục bát có cả vần bằng, vần trắc ; vần lưng, vần chân ; nhịp chẵn, nhịp lẻ ; số âm tiết mỗi dòng có cả chẵn và lẻ (từ 6 đến 8)... nên đặc dụng cho loại hình ngâm, than, vãn,...

d) *Thơ hát nói*. Đây là một loại hình thơ độc đáo thể hiện sự sáng tạo của Việt Nam. Số âm tiết trong mỗi dòng thơ hát nói tuy không gò bó, nhưng số dòng trong một bài bao giờ cũng lẻ như 7, 9, 11,... và dòng cuối cùng bao giờ cũng có 6 âm tiết.

Nhờ những đặc điểm đó mà thơ hát nói thường biểu hiện được tính phóng khoáng, nét tài hoa, thậm chí sự "ngất ngưởng" của người cầm bút. Thơ hát nói phản ánh bước phát triển mới của thơ ca dân tộc và thể hiện tài hoa của người cầm bút.

d) *Thơ Đường luật* có nguồn gốc từ Trung Hoa, được người Việt dùng để sáng tác ngay từ thế kỉ X – XIV và được Việt hoá từ thế kỉ XIII. Thơ luật Đường đòi hỏi niêm luật, vần, đối,... chặt chẽ. Song, dù bị gò bó bởi cách luật nhưng do tính hâm súc, thơ luật Đường có sức biểu cảm mạnh mẽ và ngày nay đã trở thành một thể thơ quen thuộc đối với người Việt Nam.

e) *Ca, hành*. Bắt nguồn từ Trung Hoa, ca, hành được người Việt Nam dùng để sáng tác ngay từ thế kỉ X – XIV. Do không bị gò bó vào vần luật, thể ca và hành diễn đạt được những vấn đề phóng khoáng, tự do của người cầm bút.

g) *Chiếu* thuộc văn học chức năng hành chính do vua ban xuống cho bề tôi. Chiếu cũng có khi gọi là *cáo, mệnh*,...

Cùng loại văn học với *chiếu* nhưng do bề tôi dùng để dâng lên vua gọi là *biểu, tấu, sớ, điếu trần*,... *Chiếu, cáo, mệnh, điếu trần*,... đều thuộc văn chính luận, do đó đòi hỏi lập luận chặt chẽ, lời văn phải có sức thuyết phục.

h) *Văn tế* thuộc loại hình văn học chức năng lễ nghi, văn tế dùng để thực hành một nghi lễ mang tính chất tôn giáo (cúng người đã khuất, cúng thần linh,...), hoặc thực hành một nghi lễ mang tính chất phong tục, tập quán. Đặc biệt, văn tế những anh hùng nghĩa sĩ ngã xuống vì cuộc đấu tranh bảo vệ non sông đất nước thì lời lẽ đầy chất bi tráng với sự tri ân của toàn dân.

i) *Kịch bản tuồng*. Tuồng là loại hình văn học độc đáo và sáng tạo của dân tộc ta. Chất bi hùng với kết thúc có hậu là đặc điểm nổi bật của thể loại này.

4. Thể loại trong văn học trung đại chi phối người cầm bút một cách nghiêm nhặt. Có thể lấy một bài thơ thuộc thể Đường luật viết bằng chữ Nôm trong sách giáo khoa *Ngữ văn 11 Nâng cao*, tập một để chứng minh.

Chẳng hạn, bài *Chạy giặc* của Nguyễn Đình Chiểu. Bài này thuộc thể thơ thất ngôn bát cú (8 câu, mỗi câu 7 âm tiết). Thơ thất ngôn bát cú được cấu trúc theo bốn phần : *dề – thực – luận – kết*.

Dề gồm *thừa đề* (vào bài) và *phá đề* (mở bài). Đó là câu :

*Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây,
Một bàn cờ thế phút sa tay.*

Thực là đi vào nội dung bài thơ :

*Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy,
Mất ổ bầy chim dáo dác bay.*

Luận là bàn luận về nội dung cần phản ánh :

*Bến Nghé của tiền tan bọt nước,
Đồng Nai tranh ngói nhuốm màu mây.*

Các cặp *thực* và *luận* phải đối nhau. Nguyễn Đình Chiểu đã đối rất chỉnh.

Kết là gói lại nội dung toàn bài thơ :

*Hỏi trang dẹp loạn rày đâu vắng,
Nỡ để dân đen mắc nạn này ?*

Câu kết trong thơ Đường luật cực kì quan trọng.

Về vần thì bài *Chạy giặc* gieo vần bằng (Tây, tay, bay, mây, này) ; các câu 1–8, 2–7, 3 – 6, 4 – 5 niêm với nhau. Tuy nhiên, về thanh lại có luật *nhất, tam, ngũ bất luận*.

Những quy tắc trên, người làm thơ Đường luật không được vi phạm.